

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 397/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, giữa nguyên đơn chị Y T với bị đơn anh A V. Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Y T với bị đơn anh A V;

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y T và anh A V thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là A T1, sinh ngày 18/8/2014 cho chị Y T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, anh A V không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh A V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

**3.** Về tài sản, nợ nần chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) các đương sự thỏa thuận chị Y T nhận chịu, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Y T đã nộp theo biên lai số: 0000472, ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố K, tỉnh Kon Tum. Chị Y T được hoàn trả lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố K;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Hồng Dung**